

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý theo đồ án
Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh
Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, Quy hoạch xây dựng vùng huyện, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch xây dựng khu chức năng và Quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Công văn số 3094/BXD-QHKT ngày 09/8/2022 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 07/2/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt quy hoạch và ban hành quy định quản lý xây dựng

kèm theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ thông báo số 194/TB-HĐTĐ ngày 29/3/2024 của Hội đồng thẩm định quy hoạch về nội dung kết luận của đồng chí Trương Công Sơn – PCT UBND huyện, Chủ tịch Hội đồng thẩm định đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 812/SXD-QLQH ngày 16/05/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam Về việc góp ý đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trung, huyện Thăng Bình;

Căn cứ Công văn số 471/KKTCTN-QHĐT ngày 02/05/2024 của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam về việc góp ý đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-UBND huyện Thăng Bình ngày 22 tháng 9 năm 2023 Phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 04/12/2023 của HĐND xã Bình Trung về việc thông qua Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND xã Bình Trung tại Tờ trình số 172/TTr-UBND ngày 29/8/2024 về việc thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030; Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 21/11/2023 Tiếp thu giải trình các ý kiến cộng đồng dân cư xã Bình Trung; Báo cáo số 98/BC-UBND ngày 11/7/2024 của UBND xã Bình Trung về Tổng hợp ý kiến tiếp thu giải trình đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030, giải trình ý kiến Hội thẩm định;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định) tại Báo cáo Kết quả thẩm định số 264/BC-KTHT ngày 12/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030, với các nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

- Phạm vi: Toàn bộ diện tích tự nhiên thuộc ranh giới hành chính xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam; Với tổng diện tích tự nhiên là 1.874,96 ha. Gồm 07 thôn: Đồng Xuân, Tứ Sơn, Trà Long, Kế Xuyên 1, Kế Xuyên 2, Vinh Phú và Vĩnh Xuân.

- Ranh giới lập quy hoạch: Xã Bình Trung, có tứ cận như sau:
- Phía Đông: giáp xã Bình Sa;
- Phía Tây: giáp xã Bình Chánh, Bình Quế;
- Phía Nam: giáp xã Bình An, Bình Nam;
- Phía Bắc: giáp xã Bình Tú.
- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Tổng diện tích tự nhiên 1.874,96 ha.

2. Mục tiêu, tính chất, chức năng của xã:

2.1. Mục tiêu

a. Mục tiêu chung:

Cụ thể hóa các chỉ tiêu quy hoạch trên địa bàn xã đến năm 2030 theo hướng xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, tạo việc làm, tăng thu nhập cho dân cư trong xã.

Đảm bảo hoàn thành tiêu chí số 1- Quy hoạch trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 và định hướng phát triển bền vững các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khung.

Làm cơ sở để kêu gọi, thu hút đầu tư; lập quy hoạch chi tiết xây dựng, triển khai các dự án đầu tư xây dựng có liên quan và quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn xã.

b. Mục tiêu cụ thể:

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành trong đồ án quy hoạch nông thôn mới cấp xã.

Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng, quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật và quỹ đất sản xuất nông nghiệp,... nhằm đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả, gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng.

Làm cơ sở quản lý, kiểm soát phát triển không gian trên địa bàn xã, cơ sở quản lý trong quá trình thực hiện các dự án, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển công nghiệp, du lịch, ... và hệ thống các công trình chuyên ngành đến năm 2030.

Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn xã để phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2.2. Tính chất, chức năng của xã

a. Tính chất:

- Là xã thuộc tiểu vùng: Vùng Trung, vùng động lực của huyện, làm nhiệm vụ kết nối, tạo sức lan toả phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng lân cận.
- Là xã phát triển đồng đều về nông nghiệp, công nghiệp và thương mại dịch vụ.
- Là xã có hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, định hướng nội thị của đô thị thị xã Thăng Bình trong tương lai.

b. Chức năng chủ yếu:

+ Các khu chức năng thuộc Khu Kinh tế mở Chu Lai: Định hướng phát triển theo Quy hoạch chung khu Kinh tế mở Chu Lai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Bao gồm Khu Công nghiệp Nam Thăng Bình, Khu dân cư-đô thị, khu vực Nghĩa trang Nam Thăng Bình...

+ Chức năng phát triển về thương mại – dịch vụ; Công nghiệp: phát triển thương mại dịch vụ dọc tuyến Quốc lộ 1 và các trục đường tỉnh, đường huyện; cụm công nghiệp Kế Xuyên.

+ Chức năng sản xuất nông nghiệp, tập trung đẩy mạnh các mô hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, chú trọng vào một số mô hình có hiệu quả. Triển khai sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

+ Chức năng gìn giữ, phát huy nét đẹp văn hoá truyền thống vùng miền.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

Hiện trạng năm 2021: Dân số toàn xã có 11.237 người, lao động 6.742 lao động.

- Dân số thường trú định hướng đến năm 2025 khoảng: 11.350 người.
- Dân số thường trú định hướng đến năm 2030 khoảng: 11.600 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Căn cứ các quy định của “ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng” (QCVN 01:2021), đề án dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu theo (QCVN 01:2021/BXD)	Chỉ tiêu quy hoạch	Ghi chú
----	----------	--------	----------------------------------	--------------------	---------

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu theo (QCVN 01:2021/BXD)	Chỉ tiêu quy hoạch	Ghi chú
1	Đất cây xanh công cộng	m ² /người	≥4	≥4	
2	Các công trình dịch vụ- công cộng				
2.1	Trụ sở làm việc xã	m ²		≥1.000	
2.2	Nhà văn hóa xã	m ²		≥2.000	
2.3	Trung tâm thể dục thể thao	m ²		≥10.000	
2.4	Giáo dục				
a	Trường trung học phổ thông				
	Diện tích đất	m ² /1 học sinh	≥10	≥10	
	Tiêu chuẩn	Học sinh/ 1000 người	≥40	≥40	
b	Trường mầm non				Bán kính phục vụ 1km–2km
	Tiêu chuẩn	Cháu/ 1000 người	≥50	≥50	
	Diện tích đất	m ² /1 cháu	≥12	≥12	
c	Trường tiểu học				Bán kính phục vụ 1km–2km
	Tiêu chuẩn	Học sinh/ 1000 người	≥65	≥65	
	Diện tích đất	m ² /1 học sinh	≥10	≥10	
d	Trường Trung học cơ sở				
	Tiêu chuẩn	Học sinh/ 1000 người	≥55	≥55	
	Diện tích đất	m ² /1 học sinh	≥10	≥10	
2.5	Y tế				Có vườn thuốc nam 1000 m ²
	Diện tích đất trạm y tế	m ² /trạm	≥500	≥500	
2.6	Chợ				
	Tiêu chuẩn	Công trình	1		
	Đất công trình	m ² / công trình	≥ 2000	≥2000	
2.7	Trụ sở Công an xã	m ²		1.000 – 2.000	
2.8	Trụ sở Quân sự xã	m ²		1.000	
3	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ				

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu theo (QCVN 01:2021/BXD)	Chỉ tiêu quy hoạch	Ghi chú
	thuật				
3.1	Giao thông				
	Tỷ lệ đất giao thông	%	≥ 18	18-30	
3.2	Nước sinh hoạt				
	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	lít/người/ngày	≥ 80	100	
3.3	Nước thải				
	Tỷ lệ nước bẩn được thu gom so với chỉ tiêu cấp nước.	%	≥ 80	≥ 80	
3.4	Cấp điện				
	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	KWh/người.năm	1000	1000	
3.5	Chỉ tiêu chất thải rắn (CTR)	Kg/ng-ng-đêm	$\geq 0,8$	$\geq 0,8$	
3.6	Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập internet)	1 Điểm/xã		150m ²	
3.7	Nghĩa trang	Ha/ 1.000 người		0,04	

4. Định hướng phát triển không gian và quy hoạch sử dụng đất:

4.1. Cấu trúc không gian toàn xã:

Không gian phát triển toàn xã chia làm 3 vùng chính:

- Vùng ở hiện trạng và sản xuất nông nghiệp: Trên cơ sở các khu vực sản xuất canh tác nông nghiệp hiện nay, tiến hành đầu tư giao thông thủy lợi nội đồng, giống cây để nâng cao năng suất, giảm dần diện tích canh tác không hiệu quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Đầu tư cơ sở hạ tầng vào các điểm dân cư nhằm đáp ứng các tiêu chí về nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu.

- Vùng ở kết hợp với dịch vụ: Là khu vực trung tâm xã và vệt dân cư dọc tuyến QL1, đầu tư hạ tầng khu trung tâm xã với cơ sở hạ tầng đồng bộ gồm công trình công cộng, dịch vụ khu trung tâm, điện chiếu sáng, cây xanh vườn hoa để tạo bộ mặt khang trang cho khu trung tâm. Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện CCN Kế Xuyên - Quán Gò. Thu hút đầu tư khu vực dự án dân cư, đô thị, TMDV dọc tuyến Quốc lộ 1A.

- Vùng thuộc Khu Kinh tế mở Chu Lai: Định hướng phát triển theo Quy hoạch chung khu Kinh tế mở Chu Lai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Bao gồm Khu Công nghiệp Nam Thăng Bình, Khu dân cư - Đô thị, khu vực Nghĩa trang Nam Thăng Bình.

4.2. Định hướng tổ chức hệ thống dân cư:

- Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư toàn xã và chỉnh trang khu dân cư hiện hữu phải đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, khu trung tâm xã, khu xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác (quốc phòng, du lịch, di tích lịch sử, ...). Khu vực (theo chức năng) đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại; Khu vực đã ổn định cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

- Cần chuyển đổi mục đích sử dụng những thửa đất canh tác nhỏ lẻ xen lẫn với đất thổ cư để có điều kiện hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Cần đề xuất quy hoạch mới khu dân cư phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai hoặc nhu cầu tái định cư khi có yêu cầu thay đổi chức năng sử dụng đất cho các điểm dân cư ở các vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai bắt buộc phải di dời.

- Khi quy hoạch xây dựng các hạng mục công trình nhà ở cần kết hợp nét kiến trúc hiện đại và truyền thống, vừa giữ gìn bản sắc địa phương phù hợp với quy hoạch chung của huyện, tỉnh; Phát huy tối đa nội lực và sự hỗ trợ bên ngoài.

4.3. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ:

- Trụ sở xã

Trụ sở xã được xây dựng tập trung ở trung tâm xã, thuận tiện giao thông và các hoạt động đối nội, đối ngoại.

- Công trình giáo dục

+ Quy hoạch xây dựng nhà trẻ, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, được bố trí đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của người dân và đóng góp xây dựng bộ mặt cho khu trung tâm xã.

+ Mở rộng các cơ sở trường học chưa đạt tiêu chuẩn diện tích để đảm bảo theo tiêu chuẩn.

+ Khu vực xây dựng trường phải đảm bảo yên tĩnh, có điều kiện vệ sinh tốt, bảo đảm học sinh đi lại được an toàn và thuận tiện.

- Trạm y tế xã

Trạm y tế xã cần đặt tại nơi yên tĩnh, cao ráo, thoáng mát, có nguồn nước tốt, liên hệ thuận tiện với khu ở. Môi trường xung quanh phải bảo đảm các yêu

cầu về vệ sinh.

- Trung tâm văn hóa - thể thao

- + Bán kính phục vụ: ≈ 5 km.

- + Diện tích đất xây dựng: đối với trung tâm văn hoá xã ≥ 2.000 m²; đối với nhà văn hoá thôn: ≥ 500 m².

- + Diện tích đất dành cho tập luyện thể dục, thể thao: từ 2 - 3 m²/người.

- Chợ, cửa hàng dịch vụ

- + Giữ quy mô chợ xã hiện nay, đang đáp ứng tốt nhu cầu mua bán của người dân trong xã cũng như các khu vực lân cận.

- + Điểm phục vụ bưu chính viễn thông cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông cơ bản (bao gồm cả truy cập Internet). Diện tích đất cho 1 điểm: ≥ 150 m².

4.4. Quy hoạch sử dụng đất:

- Đất nông nghiệp: 1.270,54 ha.

- Đất xây dựng: 486,14 ha.

- Đất khác: 118,14 ha.

4.4.1 Đất ở:

- Căn cứ vào định hướng phát triển chung toàn xã, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thăng Bình và theo tình hình thực tế của địa phương; định hướng quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và thôn đáp ứng nhu cầu về đất ở cho nhân dân trong giai đoạn tới.

- Đất ở hiện trạng và đất ở mới với tổng diện tích 159,99 ha. Trong đó đất ở hiện trạng khoảng 148,32 ha, đất ở quy hoạch mới khoảng 13,466 ha.

4.4.2 Đất công trình công cộng:

a. Đất dịch vụ - công cộng:

a1. Công trình trụ sở cơ quan:

- Trụ sở HĐND-UBND và Hội trường xã: Giữ nguyên vị trí hiện hữu, quy mô diện tích khoảng 3.631 m².

a2. Trụ sở công an xã:

Đầu tư xây dựng mới tại tổ 5, thôn Vinh Phú; diện tích: 2.020,4 m².

a2. Công trình y tế:

- Giữ nguyên vị trí hiện hữu, quy mô diện tích khoảng 2.577 m².

a3. Nhà văn hoá:

- Giữ nguyên vị trí nhà văn hóa xã được bố trí trong khuôn viên UBND.
- Các nhà văn hóa thôn:
 - + NVH thôn Kế Xuyên 1: quy mô diện tích 1.635 m²
 - + NVH thôn Kế Xuyên 2: quy mô diện tích 839 m²
 - + NVH thôn Đồng Xuân: quy mô diện tích 2.614 m² (thuộc Khu KTM Chu Lai)
 - + NVH thôn Tứ Sơn: quy mô diện tích 500 m² (thuộc Khu KTM Chu Lai)
 - + NVH thôn Trà Long: hiện trạng 856m², dự kiến QH mới trên đất CLN với quy mô diện tích 2.750 m²
 - + NVH thôn Vinh Phú: hiện trạng 1.396 m², dự kiến mở rộng về phía Nam, quy mô sau diện tích mở rộng đạt khoảng 3.170m²
 - + NVH thôn Vĩnh Xuân: hiện trạng 1.064 m², dự kiến mở rộng về phía Đông Bắc, quy mô diện tích sau mở rộng đạt khoảng 2.924 m²

a4. Bưu điện:

- Hiện tại xã Bình Trung có bưu điện văn hóa nằm trong khu trung tâm xã, diện tích khoảng 290m².

a5. Công trình giáo dục:

- Trường Mẫu giáo bao gồm 04 cơ sở: (1) Trường Mẫu giáo xã Bình Trung, 2777m²; (2) Trường Mẫu giáo cơ sở Vinh Phú, 1347m²; (3) Trường Mẫu giáo cơ sở Trà Long, hiện trạng 679 m², dự kiến mở rộng về ĐX4, quy mô sau mở rộng đạt khoảng 1.448m²; (4) Trường Mẫu giáo cơ sở Tứ Sơn, 1380m².
- Trường Tiểu học bao gồm 05 cơ sở: (1) Trường Tiểu học Nguyễn Du, hiện trạng 5860m², dự kiến mở rộng về phía sau, quy mô sau mở rộng đạt khoảng 12.360m²; (2) Trường Tiểu học Nguyễn Du (cơ sở Tứ Sơn), 4845m²; (3) Trường Tiểu học Lê Lai, 8106m²; (4) Trường Tiểu học Lê Lai (cơ sở Kế Xuyên), 1497m²; (5) Trường Tiểu học Lê Lai (cơ sở Vĩnh Xuân), 4290m².
- Trường Trung học cơ sở Phan Bội Châu, quy mô 15.998m².

a6. Đất thương mại dịch vụ và khu chức năng khác:

- Bố trí đất thương mại dịch vụ và khu chức năng khác trên các trục đường chính QL1 và đường ĐT613C, kết nối xã với khu vực phía Đông và phía Bắc của tỉnh, thuận lợi cho giao thương buôn bán.
- Bố trí các khu chức năng Đô thị - TMDV mới: khu chức năng Đô thị - TMDV Bình Trung 1 có quy mô 275.000 m², khu chức năng Đô thị - TMDV Bình Trung 2 có quy mô 53.500 m², khu chức năng Đô thị - TMDV Bình Trung 3 có quy mô 41.500 m²
- Khu Kinh tế mở Chu Lai trên địa bàn xã có quy mô khoảng 434ha, thực hiện theo Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai và các quy hoạch, dự án được phê duyệt.

a7. Chợ:

- Chợ Kế Xuyên, quy mô 4.335 m², hiện đáp ứng nhu cầu mua bán của người dân trong xã cũng như các khu vực lân cận.

a8. Công viên cây xanh:

- Quy hoạch 02 khu cây xanh gồm Khu công viên, hồ điều hòa trung tâm, quy mô 60.000 m² và Khu công viên ven suối Bình Lứt, quy mô 5.000 m², nhằm phục vụ cho nhu cầu thể thao, vui chơi, giải trí cho người dân trên địa bàn xã.

b. Khu thể thao xã:

- Khu TDTT quy hoạch mở rộng thành khu Văn hóa- Thể dục thể thao xã, hiện trạng 14.800 m², dự kiến mở rộng về phía suối Kế Xuyên, quy mô sau mở rộng đạt khoảng 25.500 m².

c. Đất nghĩa trang nghĩa địa:

Diện tích nghĩa trang, nghĩa địa xã Bình Trung đến năm 2030 khoảng 64,28 ha, bao gồm nghĩa trang nhân dân Nam Thăng Bình nằm trong Khu Kinh tế mở Chu Lai và nghĩa trang nhân dân Gò Ngàn tại thôn Vinh Phú, tiến hành khoanh vùng và tuyên truyền không được chôn cất tại các nghĩa trang nhân dân nhỏ lẻ không đảm bảo quy định về môi trường, khoản cách ly trên địa bàn xã.

d. Đất tôn giáo tín ngưỡng, di tích lịch sử:

Quy mô và vị trí các công trình tôn giáo, tín ngưỡng của các thôn và các công trình di tích giữ nguyên, bao gồm Chùa Bình Quang, chùa Vinh Quang, chùa Trà Long, chùa Xuân Quang, chùa Phúc Xuyên, chùa Phú Long, và các công trình nhà thờ tộc xen kẽ trong khu dân cư. Tổng quy mô đất tôn giáo, tín ngưỡng, di tích đình đền khoảng 3,69 ha.

e. Đất quốc phòng an ninh

- Quy mô diện tích đất quốc phòng, an ninh: 33,65 ha.

4.5. Quy hoạch sản xuất:

4.5.1. Các khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung

- Quy hoạch đất Cụm công nghiệp Kế Xuyên có quy mô diện tích: 10,0 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có quy mô diện tích: 1,35 ha

- Quy hoạch các Khu chức năng Đô thị - Dịch vụ dọc theo QL1 và tuyến ĐT613C.

- Khu Kinh tế mở Chu Lai trên địa bàn xã có quy mô khoảng 434ha, thực hiện theo Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai.

4.5.2. Khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp

- Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 là 1.270,54 ha. Trong đó:

+ Đất trồng lúa là 901,42 ha.

+ Đất trồng cây hằng năm khác là 167,88 ha

+ Đất trồng cây lâu năm là 149,55 ha

- Diện tích đất lâm nghiệp:

+ Đất rừng phòng hộ là 43,17 ha.

+ Đất rừng sản xuất là 2,57 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản là 4,12 ha

- Đất nông nghiệp khác 1,84 ha

- Tập trung đẩy mạnh các mô hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, chú trọng vào một số mô hình có hiệu quả. Triển khai sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Duy trì các cánh đồng lúa mẫu, các giống lúa chất lượng cao.

5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Chuẩn bị kỹ thuật

- San nền:

Cao độ không chế:

- Cao độ không chế được xác định bởi cao độ hiện trạng trên các tuyến đường QL1, ĐT613C, ĐH5, ĐH6, ĐH17, ĐH25 và cao độ của khu vực trung tâm xã, các khu dân cư hiện trạng.

- Một số khu vực xây dựng mới cần tôn nền tương ứng hài hòa với cao độ nền đường hiện trạng. Không chế cao độ nền công trình mới lấy cao hơn cốt nền đường tại khu vực từ 0,30-0,50m.

- Giải pháp thoát nước mặt

- Lưu vực thoát nước: Phân chia lưu vực theo địa hình tự nhiên và các tuyến sông suối trên địa bàn xã nhằm đảm bảo nguyên tắc thoát nước tự nhiên và giảm chi phí đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước. Theo đó xã Bình Trung gồm 3 lưu vực chính theo 03 tuyến suối chính trên địa bàn xã. Cụ thể

+ Lưu vực 1: Lưu vực có hướng thoát nước về suối Kế Xuyên và đập Kế Xuyên, có diện tích lưu vực khoảng 60ha.

+ Lưu vực 2: Lưu vực có hướng thoát nước về suối phía Nam qua thôn Vinh Phú sau đó đổ về hướng Đông, diện tích lưu vực khoảng 55 ha.

+ Lưu vực 3: Lưu vực có hướng thoát nước về suối Trường An dọc theo thôn Đồng Xuân và thôn Tứ Sơn, sau đó chảy vào hướng Tam Kỳ đổ vào sông Bàn Thạch, diện tích lưu vực khoảng 72 ha.

- Hướng thoát chính: Hướng thoát nước chính của toàn xã từ Tây sang Đông, sau đó đổ về hướng Nam vào sông Bàn Thạch.

5.2. Giao thông

a. Giao thông đối ngoại:

* Quốc lộ 1:

- Đối với các khu vực phát triển mới, lộ giới quản lý 70m (Mặt đường chính $B_{\text{mặt}}=2 \times 10,5\text{m}$, giải phân cách tim đường $B=2,0\text{m}$, giải cây xanh $B=2 \times 15,5\text{m}$, đường gom $B_{\text{mặt}}=2 \times 6,0\text{m}$, vỉa hè $B_{\text{vh}}=2 \times 2,0\text{m}$)

- Đối với các khu vực dân cư hiện hữu, quy hoạch lộ giới 54m (Mặt đường chính $B_{\text{mặt}}=2 \times 10,5\text{m}$, giải phân cách tim đường $B=2,0\text{m}$, vệt quản lý 2 bên $B=2 \times 15,5\text{m}$)

- Các điểm đầu nối vào Quốc lộ tuân thủ Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Phê duyệt “Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung hệ thống đường gom, các điểm đầu nối vào các Quốc lộ: 1A, 14B, 14D, 14E, 14G, 40B, 24C, 14H và đường Hồ Chí Minh qua địa bàn tỉnh Quảng Nam”

* Đường ĐT 613C: theo Quy hoạch tỉnh đã duyệt, đoạn phía Đông đường Quốc lộ 1 (dự án Tuyến đường nối Võ Chí Công - Quốc lộ 1A) quản lý lộ giới 38m (Mặt đường $B_{\text{mặt}}=2 \times 10,5\text{m}$, vỉa hè $B_{\text{vh}}=2 \times 7,5\text{m}$, giải phân cách 2,0m); đoạn phía Tây đường Quốc lộ 1, hướng tuyến dựa trên đường ĐH13, quản lý lộ giới 30m (Mặt đường $B_{\text{mặt}}=7,5\text{m}$, quản lý lộ giới từ tim đường ra mỗi bên 15m)

+ Đường ĐH5; ĐH6; ĐH13, ĐH25: Quản lý lộ giới 30m (Mặt đường $B_{\text{mặt}}=7,5\text{m}$; Lề đường mỗi bên $B=1,5\text{m}$) theo văn bản số 14/TB-UBND huyện Thăng Bình ngày 27/1/2021.

+ Tuyến ĐH17 thực hiện theo Quy hoạch chung khu Kinh tế mở Chu Lai.

+ Tuyến đường bao phía Đông đường Cao tốc, quản lý lộ giới 30m.

b. Giao thông trong xã:

* Đường xã ĐX:

- Chiều rộng mặt đường 3,5-5,0 m, nền đường rộng 6,5m, tim đường ra mỗi bên tối thiểu 10,0 m, quản lý lộ giới 20,0m.

* Đường thôn, xóm:

- Chiều rộng mặt đường 2,5m - 3,0m, nền đường rộng 4,0m, tim đường ra mỗi bên tối thiểu 8,0 m, quản lý lộ giới 16,0m

* Đường phục vụ sản xuất: Chiều rộng mặt đường 2,5m - 3,0m, nền đường rộng 4,0m.

5.3. Cấp điện

Tổng phụ tải điện tính toán:

+ Đợt đầu: $Stt = 1610 \text{ KVA}$.

Dài hạn: $Stt = 2640 \text{ KVA}$.

54. Cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước:

+ Giai đoạn 2025: $1.400 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

+ Giai đoạn 2030: $2.073 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

- Nguồn cấp nước: Từ nhà máy nước Tam Kỳ và nhà máy nước BOO Phú Ninh

- Giải pháp cấp nước:

+ Mở rộng mạng lưới cấp nước hiện có từ nhà máy nước Tam Kỳ cấp cho các thôn Kế Xuyên 1, Kế Xuyên 2, Trà Long, Vinh Phú, Vĩnh Xuân.

+ Đầu nối hệ thống cấp nước hiện có từ nhà máy nước BOO Phú Ninh cấp cho các thôn Tứ Sơn và Đồng Xuân theo Quy hoạch chung Khu Kinh tế mở Chu Lai.

5.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a. Thoát nước thải:

- Nhu cầu thoát nước:

Giai đoạn 2025: $1.120 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

Giai đoạn 2030: $1.658 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

b. Quản lý chất thải rắn:

Nhu cầu chất thải rắn giai đoạn 2025: $9,08 \text{ tấn/ng.đ.}$

Nhu cầu chất thải rắn giai đoạn 2030: $9,28 \text{ tấn/ng.đ.}$

c. Nghĩa trang, bãi chôn cất:

- Tổng diện tích nghĩa trang nhân dân xã Bình Trung đến năm 2030 khoảng $64,28 \text{ ha}$. Các khu nghĩa trang được tổ chức tại các vị trí đảm bảo cách ly khu dân cư, đảm bảo công tác VSMT.

- Dân cư xã tổ chức chôn cất tại nghĩa trang nhân dân của xã.

- Đối với các khu vực nghĩa trang tộc hiện có thì tiến hành khoanh vùng và không cho chôn cất tại đây nữa nhằm đảm bảo môi trường.

- Trồng cây xanh cách ly và đảm bảo khoảng cách an toàn theo QCVN

07-10:2023/BXD.

5.6. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

- Biện pháp bảo vệ môi trường: Áp dụng các giải pháp giảm thiểu và bảo vệ môi trường theo từng nguồn tác động gồm: Quy hoạch sử dụng hợp lý tài nguyên đất và bảo vệ môi trường đất; giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước; giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí; quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn; giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học và rừng, các biện pháp giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Chương trình quan trắc, giám sát môi trường: Đối tượng quan trắc: môi trường đất, môi trường nước, môi trường khí. Thiết lập mạng lưới quan trắc trên phạm vi toàn vùng.

- Quan trắc chất lượng không khí, tiếng ồn tại tuyến đường giao thông chính; khu dân cư, khu, cụm công nghiệp có nguy cơ bị ảnh hưởng.

- Quan trắc chất lượng nước thải ở các vị trí đầu nối và nhất là ở điểm xả.

- Quan trắc chất lượng nước mặt trong các sông hồ nơi tiếp nhận nguồn thải

- Quan trắc chất lượng môi trường đất ở các khu vực nhạy cảm như các khu vực xử lý CTR, khu nghĩa trang, khu vực sản xuất nông nghiệp quy mô lớn.

6. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: Ban hành Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Bình Trung:

- Công bố đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030, để các cơ quan, đơn vị và nhân dân có liên quan được biết, theo dõi, giám sát việc thực hiện quy hoạch;

- Tổ chức lập kế hoạch cắm mốc, lập và trình phê duyệt nhiệm vụ cắm mốc, phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc theo quy định;

- Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy hoạch được duyệt. Nếu có vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, phối hợp với các ngành ở huyện báo cáo UBND huyện chỉ đạo, giải quyết.

2. Các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Văn hoá và Thông tin, Nông nghiệp và PTNT, các ngành liên quan ở huyện theo chức năng nhiệm vụ được giao, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát UBND xã Bình Trung thực hiện công tác quản lý xây dựng đúng theo quy hoạch chung được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 27/5/2013 của UBND huyện Thăng Bình về Phê duyệt hồ sơ quy hoạch nông thôn mới và ban hành quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch của xã Bình Trung, huyện Thăng Bình.

Điều 4. Chánh văn phòng HĐND - UBND; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Văn hoá và Thông tin, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Bình Trung; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND, UBND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện
- UBND xã Bình Trung;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH